

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**.

Ông **Nguyễn Văn Khóa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18^A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Cộng hòa liên bang Đức.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh **Nguyễn Thanh T** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/9/2008. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát, xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn từ năm 2012, chị C bỏ về nhà đẻ

ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi chị C đi nước ngoài cũng không cho anh biết và không liên lạc với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 27/4/2008, hiện đang ở với anh. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Nguyễn Đình L (là bố đẻ chị C) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị C ở nước ngoài nên ông không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị C vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị C biết. Thông qua gia đình, chị C thể hiện quan điểm trong cuộc sống vợ chồng anh T luôn nghi ngờ tình cảm của chị nên thường chửi bới, xúc phạm chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn, nhất trí để anh T nuôi con và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương nơi anh T, chị C đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa phương một thời gian ngắn thì chị C đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống xa nhau là chủ yếu. Nay anh T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của anh T, chị C là Nguyễn Thanh V có nguyện vọng được ở với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng; người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh T ly hôn chị Nguyễn Thị C. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh V cho anh T nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị C có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu Giếng Chằm, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, hiện chị C đang

lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị C ở Cộng hòa liên bang Đức. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị C cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị C để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T, chị C đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Gia đình ông L vẫn thường xuyên liên lạc với chị C và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị C. Tuy nhiên chị C vắng mặt lần thứ hai. Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ngày 15/9/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống của vợ chồng không hợp nhau, anh T nghi ngờ tình cảm của chị C nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Khi chị C đi xuất khẩu lao động, chị không nói cho anh T biết, anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Thông qua gia đình, chị C thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T ly hôn chị C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị C có một con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 27/4/2008, hiện đang ở với anh T. Anh T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy anh Nguyễn Thanh T đang làm việc tại địa phương, có thu nhập, có chỗ ăn ở ổn định, cháu Nguyễn Thanh V có nguyện vọng được ở với anh T, chị C nhất trí để anh T nuôi con. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh T, chị C giao cháu Nguyễn Thanh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T tạm thời không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Nguyễn Thanh T** ly hôn chị **Nguyễn Thị C**.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 27/4/2008 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T tạm thời không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh T, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004807 ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường